TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **138**/2020/DS - PT

Ngày: 24-6-2020

"V/v: Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 875/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1965;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S, bà Nguyễn Thị Thanh B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Ông Huỳnh Ngọc A, Luật sư Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968, bà Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Đều có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1995; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2000; có mặt.

3. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 2006; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Quốc V: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968, bà Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1975 (Cha, mẹ anh Nguyễn Quốc V). Đều có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thiết K, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B. Địa chỉ: Thị trấn Châu Ổ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết S và bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày:

Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn H (chết 1970) và bà Trương Thị M (chết 2017) có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh B. Ngoài ra cha mẹ chúng tôi không có con nuôi, con ngoài giá thú. Trong quá trình sinh sống, cha mẹ chúng tôi được ông bà để lại 02 thửa đất thổ cư và 06 thửa đất nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 diện tích 586m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 680,9m^2) được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trương Thị M vào năm 2000. Nguồn thửa đất này do ông bà để lại cho cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị M quản lý và sử dụng từ trước năm 1975. Sau khi chúng tôi có gia đình tạo lập nơi ở riêng, mẹ chúng tôi ở chung với vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L. Trong quá trình sinh sống, ông C, bà L tự ý xây dựng một ngôi nhà cấp IIA trên đất cùng một số công trình để kinh doanh sản xuất nước đá cây mà chưa có sự đồng ý của chúng tôi. Nay chúng tôi yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, diện tích thực tế 680,9m^2 theo pháp luật cho 4 đồng thừa kế gồm: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh B mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau, chia phần đất có ngôi nhà cho ông C, bà L quản

lý sử dụng.

- Thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 diện tích 170m^2; (đo đạc thực tế có diện tích 436,2m^2) đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trương Thị M vào năm 2000. Thửa đất này cũng có nguồn gốc do ông bà để lại cho cha mẹ chúng tôi sử dụng. Cha chúng tôi ông Nguyễn Văn H chết năm 1970 không để lại di chúc, mẹ chúng tôi bà Trương Thị M lập di chúc vào ngày 5/10/2016 ghi rõ phần tài sản của bà nằm trong thửa đất 1246 chia đều cho 04 chị em chúng tôi gồm: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh B. Do đó, chúng tôi yêu cầu Tòa án chia 1/2 thửa đất số 1246 là di sản của cha chúng tôi ông Nguyễn Văn H để lại chia theo pháp luật và chia thừa kế theo di chúc của bà Trương Thị M để lại là một phân của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 theo di chúc lập ngày 05/10/2016 cho 4 người con như đã nêu trên.

- 06 thửa đất nông nghiệp tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi gồm: Thửa đất số 553 diện tích 297m^2; thừa đất số 740 có diện tích 73 8m^2; thửa đất số 637 diện tích 194m^2; thửa đất số 638 diện tích 748m^2; thửa đất số 639 diện tích 215m^2; thửa đất số 679 diện tích 69 m^2. 06 thửa đất này là tài sản chung của cha mẹ chúng tôi đã kê khai, sản xuất từ năm 1981 tại Hợp tác xã nông nghiệp 1 thuộc xã B, huyện B.

Năm 2012, ông Nguyễn Văn C tự ý đăng ký kê khai và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, diện tích 297 m^2 và thửa đất số 740, tờ bản đồ số 20, diện tích 73 8m^2 khi chưa có sự đồng ý của mẹ chúng tôi và các chị em thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha chúng tôi là ông Nguyễn Văn H. 04 thửa đất nông nghiệp còn lại hiện nay Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích để thực hiện dự án tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh gồm: Thửa đất số 637, 638, 639, 679 (tất cả đều là đất BHK), cùng tờ bản đồ số 20 thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Đối với số tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C khi thu hồi các thửa đất nêu trên chúng tôi không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại thửa đất số 553 diện tích 297m^2; thửa đất số 740 có diện tích 738m^2 cùng với diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi của các thửa đất: 637, diện tích 11,7m^2, thửa 638, diện tích 694m^2, thửa 639, diện tích 78,9m^2 và thửa 679, diện tích 48,8m^2 cùng tờ bản đồ số 20 thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi chúng tôi yêu cầu tòa án chia thửa kế cho 4 chị em chúng tôi mỗi người được nhận một diện tích bằng nhau.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án tuyên Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 092528, số vào sổ cấp GCN "CH" 00423 thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, diện tích 297m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 092546, số vào sổ cấp GCN CH 00422 thuộc thửa đất số 740, tờ bản đồ số 20, diện tích 73 8m^2 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Ngọc L cùng ngày

04/4/2013 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trịnh Văn H trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Cụ Nguyễn Văn H (chết 1970**)** và cụ Trương Thị M (chết 2017) có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C; riêng đối với bà Nguyễn Thị Thanh B là con riêng của cụ Trương Thị M sau khi cụ Nguyễn Văn H chết năm 1970, cụ M có quan hệ với người khác sinh ra bà Nguyễn Thị Thanh B. Ngoài ra cụ H, cụ M không có con nuôi, con ngoài giá thú.

Trong quá trình sinh sống, cụ H và cụ M được ông, bà để lại một số tài sản là quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Thửa đất số 148, diện tích 586m^2 và thửa đất số 1246, diện tích 170m^2 cùng tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trương Thị M vào năm 2000. Nguồn gốc các thửa đất này do ông bà để lại cho cha mẹ ông C là cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M quản lý và sử dụng từ trước năm 1975. Khi đó các anh chị em ông C cùng bà M sinh sống tại nhà đất này, khi có gia đình ông T, bà S, bà B đều ở riêng chỉ có ông C sống chung với bà M. Năm 1996, được sự đồng ý của cụ M và các anh chị em trong nhà, ông C đã xây dựng nhà máy sản xuất đá lạnh với diện tích khoảng 90m^2 để kinh doanh và đến năm 2013 vợ chồng ông C, bà L xây dựng một ngôi nhà cấp IIA trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14. Còn đối với thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 nguyên trước đay là ao hồ giáp sông được vợ chồng ông C, bà L cải tạo đầu tư mở điểm bán dầu Diezen vào năm 1999, nay chuyển qua xây dựng làm nơi chế biến hải sản. Năm 2000, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 thửa đất nêu trên cho hộ bà Trương Thị M, tại thời điểm cấp giấy, hộ bà M có 3 nhân khẩu là bà M và vợ chồng ông C, bà L. Vì vậy việc các nguyên đơn yêu càu chia thừa kế theo pháp luật hai thửa đất nêu trên là không có cơ sở vì di sản thừa kế của hai thửa đất này chỉ là một phần diện tích sau khi trừ đi diện tích đất nhà máy nước đá, ngôi nhà cấp IIA của thửa 148 và diện tích còn lại sau khi trừ khi diện tích đất chế biến hải sản của thửa 1246; trong diện tích đất còn lại chỉ có một phần đất của bà M chia theo pháp luật vì đất này cấp cho hộ.

2. Đối với 6 thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK) diện tích 73 8m^2, thửa đất số 637 (Đất BHK), diện tích 194m^2; thửa đất số 638 (Đất BHK) diện tích 748m^2; thửa đất số 639 (Đất BHK) diện tích 215m^2; thửa đất số 679 (Đất BHK), diện tích 69 m^2; tất cả cùng tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sáu thửa đất này có nguồn gốc của ông bà để lại cho cụ H, cụ M canh tác nhưng đến năm 1985 thì ông Nguyễn Văn C canh tác. Năm 1990, ông C không làm nữa mà

cho ông Nguyễn Đức C1 thuê trồng lúa, đậu phụng. Từ trước đến nay, 6 thửa đất này không ai đăng ký, kê khai, đến năm 2012 vợ chồng ông C, bà L mới kê khai và đến năm 2013, UBND huyện B mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C tại hai thửa đất: Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738m^2, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B. Đối với 4 thửa đất còn lại là các thửa: Thửa đất số 637 (Đất BHK), diện tích 194m^2; thửa đất số 638 (Đất BHK) diện tích 748m^2; thửa đất số 639 (Đất BHK) diện tích 215m^2; thửa đất số 679 (Đất BHK), diện tích 69m^2, cùng tờ bản đồ số 20, ông C kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận vì nằm trong dự án mở đường Dung Quất - Sa Huỳnh.

Năm 2014, Nhà nước mở đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đoạn Dung Quất - Mỹ Khê, UBND huyện B đã thu hồi một phần diện tích 4 thửa đất nông nghiệp với tổng diện tích 312m^2 cụ thể: Thửa đất số 637, thu hồi 163m^2; Thửa đất số 638, thu hồi 50m^2, Thửa đất số 639, thu hồi 71 m^2; Thửa đất số 679thu hồi 28m^2. Hộ ông Nguyễn Văn C được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ số tiền 32.760.000đ.

Tuy 6 thửa đất nông nghiệp nêu trên là của ông bà để lại cho cụ H, cụ M, tuy nhiên cụ H, cụ M không kê khai, không trực tiếp sử dụng nên không còn thuộc quyền sử dụng của cụ H, cụ M nữa. Ông C là người quản lý và kê khai các thửa đất nêu trên nên quyền sử dụng đất là thuộc của ông C, bà L. Do đó ông C, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chia thừa kế 6 thửa đất nông nghiệp nêu trên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C tại thửa đất số 553, diện tích 297m^2 và thửa đất số 740 diện tích 73 8m^2 cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị Thu T cùng trình bày: Thống nhất với ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Về nguồn gốc của thửa đất số 553 và 740, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B: Đất do ông bà lưu hạ năm 1995 và hộ ông Nguyễn Văn C sử dụng ổn định liên tục từ đó đến thời điểm được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên là đúng quy định tại khoản 6, Điều 50 luật đất đai năm 2013.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào các Điều: 26, 34, 37, 147, 157, 158, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 266, 267,271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Điều 4, 24, 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Điều 118, 637, 638, 677, 678, 679, 738, 739 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005

Điều 612, 613, 614, 623, 630, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết S và bà Nguyễn Thị Thanh B.

2. Xác định quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 680,9m^2, thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 307,6m^2 được Ủy ban nhân dân huyện B công nhận cho hộ bà Trương Thị M cùng các thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 73 8m^2; thửa đất số 637, diện tích còn lại 11,4m^2; Thửa đất số 638, diện tích còn lại 694m^2; Thửa đất số 639, diện tích còn lại 78,9m^2; Thửa đất số 679, diện tích còn lại 48,8m^2(tất cả đều là đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Tất cả đều là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M.

3. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H gồm các ông, bà: Trương Thị M, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C.

3.1. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Trương Thị M gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh B.

4. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 680,9m^2 tại thôn Đ, xã B, huyện B như sau:

4.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người được nhận diện tích 170,2m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở; 120,2m^2 đất vườn). Chia cho bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 85,1 m^2 (trong đó có 25m^2 đất ở, 60,1 m^2 đất vườn). Chia cho ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 255,3m^2 (trong đó có 75m^2 đất ở, 180,3m^2 đất vườn).

4.2. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B nhận chung một diện tích đất 251,7m^2 (trong đó mỗi người 85,1 m^2). Phần diện tích 251,7m^2 (có 75m^2 đất ở, 176,7m^2 đất vườn) nằm ở phía Tây Nam thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có giới cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa 148, tờ bản đồ số 14 có chiều dài 8,99m;

Phía Tây giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 10,45m (7,12m +

3,33m)

Phía Nam giáp thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 25,5m (13,94m + 5,75m + 5,53m + 0,28m);

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 148, tờ bản đồ số 14 giao cho ông Nguyễn Văn C có chiều dài 25,69m;

4.3. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B được sở hữu, sử dụng các tài sản có trên diện tích 251,7m^2 được giao bao gồm: 01 ki ốt diện tích 21,7m^2 có cấu trúc: nền xi măng, gạch men, tường gạch, mái lợp ngói; 01 bể cá có diện tích 6,1 m^2; sân bê tông có diện tích 159,3m^2, 01 nhà tạm dùng làm hầm. đá cây diện tích 54,1 m^2 có cấu trúc: Trụ bê tông, mái kèo gỗ, lợp tol Proximăng, nền láng xi măng, tường thu hồi; tường rào phía Nam dựng trụ bê tông lưới B40; 01 cây Sanh, 01 cây Sakê, 01 cây Khế; 01 cây hoa Sữa.

4.4. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L, anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị Thu T phải giao quyền sử dụng đất có diện tích 251,7m^2 và các tài sản trên đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B.

(Phần diện tích giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B có ký hiệu A sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

4.5. Giao cho ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 429,1 m^2 (255,3m^2 kỷ phần thừa kế, 170,2m^2 diện tích đất của bà S, ông T và 3,6m^2 diện tích đất chung của bà S, ông T, bà B). Phần diện tích 429,1m^2 (trong đó có 125m^2 đất ở, 304,1 m^2 đất vườn) còn lại của thửa đất số 148, tờ bản đồ số M cùng các công trình xây dựng, cây cối trên đất của ông C, bà L gồm: 02 ki ốt nhà gạch, 01 ngôi nhà cấp IIA, bể nước, giếng, nhà gạch phía sau và một số cây cối trên đất. Phân diện tích 429,1m^2 giao cho ông Nguyễn Văn C có giới cận như sau:

Phía Đông giáp đồi núi có chiều dài 14,53m;

Phía Tây giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 8,06m (6,83m + 1,23m)

Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa 148, tờ bản đồ số 14 giao cho bà S, ông T, bà B và giáp một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài lần lượt là 25,69m + 10,42m + 1,91m + 3,26m;

Phía Bắc giáp thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 41,25m (11,06m + 12,42m + 12,32m + 2,39m + 3,06m).

(Phần diện tích giao cho ông Nguyễn Văn C có ký hiệu B sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

4.6. Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lại giá trị diện tích đất 85,1 m^2 cho ông Nguyễn Văn T và giá trị diện tích đất 85,1 m^2 cho bà Nguyễn Thị Tuyết S mỗi người số tiền 1.022.553.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu

năm trăm năm mươi ba nghìn đồng)

Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lại giá trị diện tích đất 3,6m^2 chung cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B với số tiền là 33.435.000đ (Ba mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L giá trị 01 bể cá có diện tích 6,1 m^2; sân bê tông có diện tích 159,3m^2, 01 nhà tạm dùng làm hầm đá cây diện tích 54,1 m^2, tường rào phía Nam trụ bê tông lưới B40, 01 cây Sanh, 01 cây Sakê, 01 cây Khế; 01 cây hoa Sữa với tổng số tiền là: 85.509.695đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm lẻ chín nghìn sáu trăm chín lăm đồng).

5. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đói với thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 307,6m^2 được Ủy ban nhân dân huyện B công nhận cho hộ bà Trương Thị M tại thôn Đ, xã B, huyện B như sau:

5.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người nhận được diện tích 76,8m^2, bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 38,4m^2, ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 115,2m^2.

5.2. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T được nhận chung một diện tích 153,6m^2 phần nằm ở phía Nam của thửa đất 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có giới cận như sau:

Phía Đông giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 4,28m;

Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có chiều dài 4,3 8m;

Phía Nam giáp thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 33,88m (22,46m + 11,42m)

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 giao cho ông Nguyễn Văn C có chiều dài 34,42m;

5.3. Giao cho ông T, bà S được sở hữu, sử dụng sân bê tông diện tích 153,6m^2 và 01 cây Sanh trên phần diện tích đất được chia.

5.4. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L, phải giao quyền sử dụng đất có diện tích 153,6m^2 và tài sản có trên đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T.

(Phần diện tích giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T có ký hiệu C sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

5.5. Giao cho ông Nguyễn Văn C được nhận tổng cộng diện tích 153,6m^2 (115,2m^2 kỷ phần thừa kế và 38,4m^2 kỷ phần của bà B) nằm ở phía Bắc của thửa đất 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B, có giới cận như sau:

Phía Đông giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 4,27m;

Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 xã B,

huyện B có chiều dài 4,71m;

Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T có chiều dài 34,42m;

Phía Bắc giáp thửa đất số 18, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 34,26m (18,26m + 8,13m + 7,85m + 0,02m);

Trên phần diện tích đất giao cho ông Nguyễn Văn C có các tài sản của ông C, bà L xây dựng nên tiếp tục giao các tài sản này cho ông C sở hữu, sử dụng gồm: 01 ngôi nhà gạch diện tích 29,3m^2, sân bê tông và 01 cây Lộc vừng.

(Phần diện tích giao cho ông Nguyễn Văn C có ký hiệu D sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

5.6. Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 38,4m^2 cho bà Nguyễn Thị Thanh B với số tiền là 748.454.000đ (Bảy trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

5.7. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả lại giá trị 153,6m^2 sân bê tông với số tiền 15.974.400đ và 01 và cây Sanh số tiền 300.000đ, tổng cộng 16.274.400đ (mười sáu triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L.

6. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738m^2 cùng tờ bản đồ số 20, xã B, huyện B như sau:

6.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người nhận được diện tích 258,6m^2; bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 129,3m^2, ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 387,9m^2.

6.2. Giao thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738m^2 tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B cùng quản lý, sử dụng.

6.3. Giao thửa đất số 553 (Đất BHK), diện tích 297m^2, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Nguyễn Văn C quản lý, sử dụng.

6.4. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất 91,5m^2 với số tiền 4.575.000đ (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn C.

7. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số 637, diện tích còn lại 11,4m^2; Thửa đất số 638, diện tích còn lại 694m^2; Thửa đất số 639, diện tích còn lại 78,9m^2; Thửa đất số 679, diện tích còn lại 48,8m^2 (tất cả đều là đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

7.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người nhận được diện tích 208,2m^2, chia cho bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 104,1 m^2, chia cho ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 312,3m^2.

7.2. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận chung quyền sử dụng đất có diện tích 430,2m^2 nằm ở phía Tây thửa đất số 638, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần diện tích giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B có ký hiệu E sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

7.3. Giao cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết Sương và bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận chung quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 639, diện tích 78,9m^2 (Loại đất BHK) và thửa đất số 637, diện tích 11,4m^2 (Loại đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

7.4. Giao cho ông Nguyễn Văn C quyền sử dụng đất có diện tích 263,8m^2 nằm ở phía Đông thửa đất số 638, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần diện tích giao cho ông Nguyễn Văn C có ký hiệu F sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Giao cho ông Nguyễn Văn C thửa đất số 679, diện tích 48,8m^2 (Loại đất BHK) tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 092546, số vào sổ cấp GCN: "CH" 00422 thuộc thửa đất số 740, tờ ban đồ số 20, diện tích 738m^2 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2013 cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Ngọc L.

9. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

- Ngày 21/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M để lại cho 4 người con mỗi người nhận một kỷ phần bằng nhau và không đồng ý tính kỷ phần công sức cho ông Nguyễn Văn C. Đồng thời, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 533 và thửa 740, cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B do UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L vào ngày 04/4/2013.

- Ngày 30/01/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L kháng cáo một phần đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng bác yêu cầu chia thừa kế đối với 06 thửa

đất nông nghiệp. Chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn H, cụ Trương Thị M để lại đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 sau khi trừ đi 190m^2 là diện tích đất cụ M khi còn sống đã cho ông Nguyễn Văn C làm nhà ở và xây dựng nhà máy nước đá lạnh; Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 sau khi trừ đi 262,6m^2 là diện tích tăng của thửa 1246 do ông C san lấp, đổ đất lấn sông Sa Kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của các đương sự, thấy:

[1]. Về hàng thừa kế:

Các đương sự đều thừa nhận: Cụ Nguyễn Văn H (chết 1970) và cụ Trương Thị M (chết 2017) có 03 người con chung gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1965, Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Ngoài ra cụ H, cụ M không có con nuôi nào khác. Đối với bà Nguyễn Thị Thanh B thì các nguyên đơn cho rằng bà B là con chung của cụ H, cụ M còn bị đơn cho rằng bà B là con riêng của cụ M, xét tại bản sao Chứng minh nhân dân do C an Quảng Ngãi cấp ngày 16/3/2016 thể hiện bà Nguyễn Thị Thanh B sinh ngày 09/10/1973; trong khi đó cụ Nguyễn Văn H chết 1970 nên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thanh B là con riêng của cụ M sau khi cụ H đã chết.

Nên hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H gồm các ông, bà: Trương Thị M, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Trương Thị M gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị Thanh B.

[2]. Về di sản thừa kế:

[2.1]. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, diện tích 586 m^2 (đo đạc thực tế 680,9 m^2) và thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14, diện tích 170 m^2 (đo đạc thực tế 436,2m^2) được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trương Thị M ngày 19/02/2000. Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc hai thửa đất nêu trên do ông bà để lại cho cụ H, cụ M quản lý, sử dụng.

- Bị đơn cho rằng tại thời điểm UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất nêu trên cho hộ bà Trương Thị M thì hộ gia đình bà M có 3 nhân khẩu là cụ M và vợ chồng bị đơn nên di sản của cụ M để lại chỉ là 1 phần trong thửa đất 148 và 1246.

Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân huyện B xác định nguồn gốc đất hai thửa đất nêu trên do ông bà để lại, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trương Thị M, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận hai thửa đất thổ

cư nêu trên, địa phương không cân đối đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ nên có cơ sở xác định thửa đất số 148, số 1246 là di sản của cụ H, cụ M do ông bà để lại, không phải là tài sản chung của hộ gia đình. Án sơ thẩm xác định là đúng.

- Bị đơn trình bày năm 1996, được sự đồng ý của cụ M và các anh chị em trong nhà, bị đơn đã xây dựng nhà máy sản xuất đá lạnh với diện tích khoảng 90 m^2 để kinh doanh và đến năm 2013 vợ chồng bị đơn xây dựng một ngôi nhà cấp IIA trên thửa đất số 148 nhưng không ai có ý kiến gì, do đó phần diện tích này xem như cụ M và các đồng thừa kế đã thống nhất cho bị đơn. Nhưng bị đơn không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh, cũng không được các nguyên đơn thừa nhận nên án sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

- Đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, diện tích 680 m^2, đo đạc thực tế tăng 94 m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2000 và tăng 16,3 m^2 so với bản đồ đo đạc xã B năm 2003 (diện tích 664 m^2). UBND huyện B xác định lý do diện tích đất tăng là do sai sót trong đo đạc nên diện tích đất tăng thêm này được công nhận cho hộ bà Trương Thị M.

- Đối với thửa đất số 1264, đo đạc thực tế có diện tích 432,6 m^2, tăng 262,6 m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2000 và tăng 128,6 m^2 so với bản đồ đo đạc xã B năm 2003. UBND huyện B xác định khi đăng ký kê khai theo bản đồ 299/TTg do người dân tự kê khai và việc đo đạc thủ công nên diện tích không chính xác, khi thực hiện việc đo đạc lại theo bản đồ năm 2003, thực hiện bằng máy nên tương đối chính xác và diện tích đo đạc 307,6 m^2 theo bản đồ năm 2003 được công nhận cho hộ bà M.

Riêng đối với diện tích đất tăng 128,6 m^2 so với bản đồ đo đạc năm 2003 là do hộ ông Nguyễn Văn C lấn chiếm lòng sông Sa Kỳ, đã bị UBND xã B lập Biên bản vi phạm hành chính nên phần diện tích đất này chưa được xem xét, công nhận.

[2.2]. Đối với các thửa đất nông nghiệp bao gồm các thửa: Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2; thửa đất số 637 (Đất BHK), diện tích 194 m^2; thửa đất số 638 (Đất BHK), diện tích 748 m^2; thửa đất số 639 (Đất BHK) diện tích 215 m^2; thửa đất số 679 (Đất BHK), diện tích 69 m^2; cùng tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi:

- Xét 06 thửa đất này nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có nguồn gốc do ông bà để lại cho cụ H, cụ M quản lý, sử dụng; đến năm 1985 thì ông Nguyễn Văn C canh tác. Năm 1990, ông C không làm nữa mà cho ông Nguyễn Đức C1 thuê trồng lúa, đậu phụng.

Năm 2012, ông C, bà L kê khai quyền sử dụng đất; năm 2013, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C tại hai thửa đất:

Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B.

Đối với 4 thửa đất còn lại ông C kê khai nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì các thửa đất này nằm trong dự án mở đường Dung Quất - Sa Huỳnh.

Lời khai của các đương sự phù hợp với thông tin cung cấp của UBND huyện B, UBND xã B, thể hiện: Khi thực hiện chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, bà Trương Thị M (mẹ đẻ của ông C, ông T) không đưa các thửa đất nêu trên vào Hợp tác xã nông nghiệp quản lý, bởi vì các thửa đất nêu trên của bà Trương Thị M thuộc diện đất công đoàn (đất cá thể do ông bà để lại). Bị đơn cho rằng tuy các thửa đất nông nghiệp nêu trên là của ông bà để lại cho cụ H, cụ M nhưng cụ H, cụ M không kê khai, không trực tiếp sử dụng nên không còn thuộc quyền sử dụng của cụ H, cụ M nữa; bị đơn là người quản lý và kê khai các thửa đất nêu trên nên quyền sử dụng đất là của bị đơn. Án sơ thẩm xác định khi còn sống, cụ M và cụ H chưa có văn bản từ bỏ và chưa định đoạt 06 thửa đất này. Cụ H chết năm 1970, cụ M chết năm 2017 không để lại di chúc nên 06 thửa nêu trên là di sản của cụ H, cụ M để lại chưa chia là đúng.

- Năm 2014, UBND huyện B đã thu hồi 4 thửa đất nông nghiệp với tổng diện tích 312 m^2 để mở tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đoạn Dung Quất - Mỹ Khê và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn C số tiền 32.760.000 đồng. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên án sơ thẩm không xem xét, giải quyết là có cơ sở.

- Theo đo đạc thực tế hiện nay, thửa đất số 637 còn lại 11,4m^2; Thửa đất số 638 còn lại 694 m^2; Thửa đất số 639 còn lại 78,9 m^2; Thửa đất số 679 còn lại 48,8 m^2.

Từ những căn cứ trên, có căn cứ xác định: Thửa đất số 148, diện tích đo đạc thực tế 680,9 m^2; Thửa đất số 1246, diện tích thực tế 307,6m^2 và 6 thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297m^2; Thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738m^2; Thửa đất số 637, diện tích còn lại 1 l,4m^2; Thửa đất số 638, diện tích còn lại 694m^2; Thửa đất số 639, diện tích còn lại 78,9m^2; Thửa đất số 679, diện tích còn lại 48,8m^2 (tất cả đều là đất BHK) đều là di sản của vợ chồng cụ H, cụ M để lại.

Cụ H (chết năm 1970) và cụ M (chết năm 2017) không để lại di chúc (cụ M chỉ để lại di chúc phần của cụ M đối với thửa đất 1246 cho 4 người con là các ông, bà: S, Thành, C, B) nên các thửa đất nêu trên là di sản cụ H, cụ M để lại chưa chia cho các đồng thừa kế được quy định tại Điều 4, 24, 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 637, 638, 677, 678, 679, 738, 739 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 623, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[3]. Về công sức bảo quản, tôn tạo bồi đắp di sản thừa kế:

Trong quá trình quản lý, sử dụng di sản của cụ H, cụ M để lại, ông Nguyễn Văn C có công sức bảo quản, trông coi gìn giữ, tôn tạo bồi đắp di sản nên ngoài phần di sản ông C được hưởng theo pháp luật, án sơ thẩm trích một phần di sản bằng 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật của cụ M cho ông C là hợp tình, hợp lý.

[4]. Cụ Nguyễn Văn H chết năm 1970 (chết trước cụ M) nên 1/2 di sản của cụ H được chia theo pháp luật cho cụ Trương Thị M và các con chung của cụ H và cụ M gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C mỗi người được nhận một kỷ phần bằng nhau.

Cụ Trương Thị M chết năm 2017, di sản cụ M tại các thửa đất nêu trên và một kỷ phần cụ M hưởng của cụ H được chia đều cho các con gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh B mỗi người được nhận một kỷ phần bằng nhau. Riêng ông Nguyễn Văn C là người có công gìn giữ, tôn tạo di sản nên được chia một phần công sức bằng một kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ M.

Tòa án cấp sơ thẩm chia như sau:

[4.1] Đối với thửa đất số 148, diện tích đo đạc thực tế 680,9 m^2 (trong đó có 200 m^2 đất ở, 480,9 m^2 đất vườn) tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B:

- Di sản cụ H là 340,4 m^2 (680,9 m^2 : 2) chia thành 04 kỷ phần bằng nhau: Cụ Trương Thị M, bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C mỗi đồng thừa kế được nhận diện tích **85,1 m^2** (340,4m^2 : 4).

- Di sản của cụ Trương Thị M là **425,5 m^2** (340,4m^2 + 85,1 m^2 kỷ phần được hưởng của cụ H) được chia thành 5 kỷ phần cho 4 người gồm: bà S, ông T, ông C và bà Nguyễn Thị Thanh B mỗi người được nhận một kỷ phần với diện tích 85,1 m^2; cụ thể: ông C được nhận 02 kỷ phần (trong đó có 01 kỷ phần công sức) diện tích là 255,3 m^2 (trong đó có 75 m^2 đất ở, 180,3 m^2 đất vườn), bà S và ông T mỗi người được nhận được diện tích 170,2 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở, 120,2 m^2 đất vườn), bà B được nhận diện tích 85,1 m^2 (trong đó có 25 m^2 đất ở, 60,1 m^2 đất vườn).

Quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn thống nhất đồng ý nhận chung để tiện việc sử dụng nên án sơ thẩm xét xử giao cho bà S, ông T và bà B nhận chung một diện tích đất 251,7 m^2 (có 75 m^2 đất ở, 176,7m^2 đất vườn), mỗi người 85,1 m^2. Giao các tài sản trên phần đất được nhận cho bà S, ông T, bà B nhận, những người này có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 85.509.695 đồng cho ông C, bà L. Phần diện tích kỷ phần còn lại của bà S, ông T mỗi người 85,1 m^2 và của chung bà S, ông T, bà B là 3,6 m^2 giao cho ông C trọn quyền quản lý, sử dụng. Ông C có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị cho bà S, ông T mỗi người số tiền 1.022.553.000đ, hoàn trả cho bà S, ông T, bà B số tiền là 33.435.000 đồng. Giao cho ông Nguyễn Văn C được nhận tổng cộng 429,1 m^2 (255,3 m^2 kỷ phần thừa kế, 170,2m^2 diện tích đất của bà S, ông T và 3,6m^2 diện tích đất của chung bà S,

ông T, bà B) cùng các công trình xây dựng, cây cối trên đất của ông C, bà L là phù hợp.

[4.2] Đối với thửa đất số 1246, diện tích đo đạc thực tế được UBND huyện B công nhận cho hộ bà M là 307,6 m^2 (loại đất T) tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B:

- Phần di sản cụ H là 153,8 m^2 (307,6m^2 : 2) được chia thành bốn kỷ phần bằng nhau: Cụ M, bà S, ông T và ông C mỗi đồng thừa kế được nhận diện tích **38,4 m^2** (153,8 m^2 : 4).

- Phần di sản của cụ M là **192,2 m^2** (153,8 m^2 + 38,4 m^2 kỷ phần được hưởng của cụ H). Ngày 05/10/2016, cụ M lập di chúc để lại phần di sản của mình trong thửa đất 1246 chia đều cho 4 người con là bà S, ông T, ông C và bà B. Di chúc nêu trên được Văn phòng công chứng Ngô Văn Hiền chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là đúng, được quy định tại Điều 630 Bộ luật dân sự 2015. Xét trong quá trình quản lý, sử dụng di sản của cụ H, cụ M để lại, ông C đã có công sức bảo quản, trông coi gìn giữ, di sản nên ngoài phần di sản ông C được hưởng theo thừa kế, cần trích một phần di sản bằng 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật của cụ M cho ông Nguyễn Văn C. Do đó, di sản của cụ M là 192,2 m^2 được chia thành 5 kỷ phần cho 4 người gồm: bà S, ông T, ông C và bà B mỗi người được nhận một kỷ phần với diện tích **38,4 m^2**; ông C được nhận 02 kỷ phần diện tích 76,8 m^2 (trong đó có 01 kỷ phần công sức).

Như vậy, bà S, ông T mỗi người nhận được diện tích 76,8 m^2, bà B được nhận diện tích 38,4m^2, ông C được nhận diện tích 115,2 m^2. Giao cho bà S, ông T được nhận chung một diện tích 153,6 m^2 phần đất nằm ở phía Nam của thửa đất 1246, trên phần đất được giao cho ông T, bà S có sân bê tông và cây Sanh, tổng cộng 16.274.400 đồng. Bà S, ông T nhận đất và tài sản trên đất nên phải thanh toán lại số tiền 16.274.400 đpồng cho ông C, bà L.

Đối với kỷ phần thừa kế của bà B được nhận diện tích 38,4 m^2 là nhỏ nên không thể giao bằng hiện vật, do đó cần giao cho ông C quản lý, sử dụng. Ông C có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 38,4 m^2 cho bà B với số tiền là 748.454.000đ (38,4m^2 x 19.491.000đ).

Giao cho ông Nguyễn Văn C được nhận tổng cộng diện tích 153,6 m^2 (115,2m^2 kỷ phần thừa kế và 38,4 m^2 kỷ phần của bà B) nằm ở phía Bắc của thửa đất 1246. Trên phần diện tích đất giao cho ông C có một số tài sản do ông C xây dựng nên tiếp tục giao các tài sản này cho ông C.

[4.3] Đối với diện tích đất 128,6 m^2 phía sau thửa đất 1246 là do hộ ông Nguyễn Văn C lấn chiếm lòng sông Sa Kỳ, phần diện tích đất này theo UBND huyện B là chưa được xem xét, công nhận cho ai nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng pháp luật.

[4.4] Đối với hai thửa đất Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2 cùng tờ bản đồ số 20 đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L cùng ngày 04/4/2013. Tổng diện tích hai thửa đất trên là 1.035 m^2:

- Phần di sản cụ H là 517,5 m^2 (1.035m^2 : 2) được chia thành bốn kỷ phần bằng nhau: Cụ M, bà S, ông T và ông C mỗi đồng thừa kế được nhận diện tích **129,3m^2** (517,5m^2: 4).

- Phần di sản của cụ M đối với thửa đất số 533 và 740 là **646,8 m^2** (517,5m^2 + 129,3m^2) được chia thành 5 kỷ phần cho 4 người gồm: Bà S, ông T, ông C và bà B mỗi người được nhận một kỷ phần với diện tích 129,3 m^2; ông C được nhận 02 kỷ phần diện tích 258,6 m^2 (trong đó có 01 kỷ phần công sức).

Như vậy, bà S, ông T mỗi người nhận được diện tích 258,6 m^2, Bà B được nhận diện tích 129,3 m^2, ông C được nhận diện tích 387,9 m^2. Các nguyên đơn yêu cầu được nhận chung một thửa đất để tiện sử dụng canh tác và thỏa thuận tự phân chia với nhau nên án sơ thẩm chấp nhận giao thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2 cho bà S, ông T, bà B quản lý, sử dụng. Bà S, ông T, bà B có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị 91,5 m^2 dư cho ông C với số tiền 4.575.000 đồng. Giao thửa đất số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2, tờ bản đồ số 20 cho ông C được quyền quản lý, sử dụng là hợp tình, hợp lý.

[4.5] Đối với 04 thửa đất nông nghiệp sau khi bị Nhà nước thu hồi, diện tích đất còn lại cụ thể: Thửa đất số 637, diện tích 11,4 m^2; Thửa đất số 638, diện tích 694 m^2; Thửa đất số 639, diện tích 78,9 m^2; Thửa đất số 679, diện tích 48,8m^2 (tất cả đều là đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng diện tích 4 thửa đất nêu trên là 833,1 m^2:

- Phần di sản cụ H là 416,5 m^2 (833,1 m^2 : 2) được chia thành bốn kỷ phần bằng nhau: Cụ M, bà S, ông T và ông C mỗi đồng thừa kế được nhận diện tích **104,1 m^2** (416,5 m^2: 4).

- Di sản của cụ M đối với các thửa đất số 637, 638, 639 và 679 là **520,6 m^2** (416,5 m^2 + 104,1 m^2) được chia thành 5 kỷ phần cho 4 người gồm: Bà S, ông T, ông C và bà B mỗi người được nhận một kỷ phần với diện tích 104,1 m^2, ông C được nhận 02 kỷ phần diện tích 208,2 m^2 (trong đó có 01 kỷ phần công sức).

Như vậy, bà S, ông T mỗi người nhận được diện tích 208,2 m^2, bà B được nhận diện tích 104,1 m^2, ông C được nhận diện tích 312,3 m^2. Các nguyên đơn yêu cầu được nhận chung một diện tích đất để tiện sử dụng canh tác và thỏa thuận tự phân chia với nhau nên án sơ thẩm chấp nhận giao cho bà S, ông T, bà B nhận chung diện tích 520,5 m^2 (gồm 430,2 m^2 phần phía Tây thửa đất số 638 và thửa đất 639, diện tích 78,9m^2, thửa 637, diện tích 11,4m^2).

Giao cho ông Nguyễn Văn C diện tích 312,3 m^2 gồm 263,5 m^2 nằm ở phía Đông thửa đất số 638 và thửa đất số 679, diện tích 48,8 m^2 là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu của các Nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 092528, số vào sổ cấp GCN "CH" 00423 thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 20, diện tích 297 m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 092546, số vào sổ cấp GCN CH 00422 thuộc thửa đất số 740, tờ bản đồ số 20, diện tích 738 m^2 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Ngọc L cùng ngày 04/4/2013 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét: Nguồn gốc thửa đất số 553 và thửa 740 là của ông bà để lại cho cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M. Năm 2012, khi cụ M còn sống, ông Nguyễn Văn C đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa có sự đồng ý của cụ M và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H là vi phạm Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Nên yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Án sơ thẩm chia thừa kế giao thửa đất số 740, tờ bản đồ số 20, diện tích 738 m^2 cho các nguyên đơn; giao thửa đất 553, diện tích 297 m^2 cho bị đơn nên giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 553, diện tích 297 m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa đất số 740, diện tích 738 m^2, tờ bản đồ số 20 do UBND huyện B đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Ngọc L ngày 04/4/2013 là đúng.

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết S và bà Nguyễn Thị Thanh B và chia di sản thừa kế như trên là hợp tình, hợp lý, có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác, mới làm thay đổi toàn bộ nội dung vụ án. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T; bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[8]. Các quyết định khác còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T; Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 4, Điều 24 và Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Căn cứ Điều 118, Điều 637, Điều 638, Điều 677, Điều 678, Điều 679, Điều 738, Điều 739 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 630, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết S, bà Nguyễn Thị Thanh B.

2. Xác định quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 680,9 m^2; thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 307,6 m^2 được Ủy ban nhân dân huyện B công nhận cho hộ bà Trương Thị M cùng các thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2; thửa đất số 637, diện tích còn lại 1 l,4 m^2; Thửa đất số 638, diện tích còn lại 694 m^2; Thửa đất số 639, diện tích còn lại 78,9 m^2; Thửa đất số 679, diện tích còn lại 48,8 m^2 (tất cả đều là đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đều là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M.

3. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H gồm các ông, bà: Trương Thị M, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C.

3.1. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Trương Thị M gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh B.

4. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, diện tích đo đạc thực tế 680,9 m^2 tại thôn Đ, xã B, huyện B, cụ như sau:

4.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người được nhận diện tích 170,2 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở, 120,2 m^2 đất vườn). Chia cho bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 85,1 m^2 (trong đó có 25 m^2 đất ở, 60,1 m^2 đất vườn). Chia cho ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 255,3m^2 (trong đó có 75 m^2 đất ở, 180,3 m^2 đất vườn).

4.2. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn

Thị Thanh B nhận chung một diện tích đất 251,7 m^2 (trong đó mỗi người 85,1 m^2). Phần diện tích 251,7m^2 (có 75m^2 đất ở, 176,7m^2 đất vườn) nằm ở phía Tây Nam thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có giới cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 có chiều dài 8,99 m;

Phía Tây giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 10,45 m (7,12 m + 3,33 m);

Phía Nam giáp thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 25,5 m (13,94 m + 5,75 m + 5,53 m + 0,28 m);

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 giao cho ông Nguyễn Văn C có chiều dài 25,69 m.

4.3. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B được sở hữu, sử dụng các tài sản nằm trên diện tích đất 251,7 m^2 được giao bao gồm: 01 ki ốt diện tích 21,7 m^2 có cấu trúc: nền xi măng, gạch men, tường gạch, mái lợp ngói; 01 bể cá có diện tích 6,1 m^2; sân bê tông có diện tích 159,3 m^2; 01 nhà tạm dùng làm hầm đá cây diện tích 54,1 m^2 có cấu trúc: Trụ bê tông, mái kèo gồ, lợp tol Proximăng, nền láng xi măng, tường thu hồi; tường rào phía Nam dựng trụ bê tông lưới B40; 01 cây Sanh, 01 cây Sakê, 01 cây Khế; 01 cây hoa Sữa.

4.4. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L, anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Thị Thu T phải giao quyền sử dụng đất có diện tích 251,7 m^2 và các tài sản nằm trên đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B.

(Phần diện tích giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B có ký hiệu A sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

4.5. Giao cho ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 429,1 m^2 (255,3 m^2 kỷ phần thừa kế, 170,2 m^2 diện tích đất của bà S, ông T và 3,6 m^2 diện tích đất chung của bà S, ông T, bà B). Phần diện tích 429,1 m^2 (trong đó có 125 m^2 đất ở, 304,1 m^2 đất vườn) còn lại của thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14 cùng các công trình xây dựng, cây cối trên đất của ông C, bà L gồm: 02 ki ốt nhà gạch, 01 ngôi nhà cấp IIA, bể nước, giếng, nhà gạch phía sau và một số cây cối trên đất. Phần diện tích 429,1 m^2 giao cho ông Nguyễn Văn C có giới cận như sau:

Phía Đông giáp đồi núi có chiều dài 14,53 m;

Phía Tây giáp đường nhựa Quốc lộ 24 B có chiều dài 8,06 m (6,83 m + 1,23 m);

Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa 148, tờ bản đồ số 14 giao cho bà S, ông T, bà B và giáp một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài lần lượt là 25,69 m + 10,42 m + 1,91 m + 3,26 m;

Phía Bắc giáp thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã

B, huyện B có chiều dài 41,25 m (11,06 m + 12,42 m + 12,32 m + 2,39 m + 3,06 m).

(Phần diện tích giao cho ông Nguyễn Văn C có ký hiệu B sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

4.6. Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lại giá trị diện tích đất 85,1 m^2 cho ông Nguyễn Văn T và giá trị diện tích đất 85,1 m^2 cho bà Nguyễn Thị Tuyết S mỗi người số tiền 1.022.553.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lại giá trị diện tích đất 3,6 m^2 chung cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B với số tiền là 33.435.000 đồng (Ba mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng)**.**

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L giá trị 01 bể cá có diện tích 6,1 m^2; sân bê tông có diện tích 159,3 m^2, 01 nhà tạm dùng làm hầm đá cây diện tích 54,1 m^2, tường rào phía Nam trụ bê tông lưới B40, 01 cây Sanh, 01 cây Sakê, 01 cây Khế, 01 cây hoa Sữa với tổng số tiền là: 85.509.695 đồng (Tám mươi lăm triệu năm trăm lẻ chín nghìn sáu trăm chín lăm đồng).

5. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14, đo đạc thực tế có diện tích 307,6 m^2 được Ủy ban nhân dân huyện B công nhận cho hộ bà Trương Thị M tại thôn Đ, xã B, huyện B, cụ thể như sau:

5.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người nhận được diện tích 76,8 m^2, bà Nguyễn Thị Thanh B nhận diện tích 38,4 m^2, ông Nguyễn Văn C nhận diện tích 115,2 m^2.

5.2. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T được nhận chung một diện tích 153,6 m^2 phần nằm ở phía Nam của thửa đất 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có giới cận như sau:

Phía Đông giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 4,28 m;

Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có chiều dài 4,38 m;

Phía Nam giáp thửa đất số 19, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 33,88 m (22,46 m + 11,42 m)***;***

Phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 giao cho ông Nguyễn Văn C có chiều dài 34,42 m.

5.3. Giao cho ông T, bà S được sở hữu, sử dụng sân bê tông diện tích 153,6 m^2 và 01 cây Sanh trên phần diện tích đất được chia.

5.4. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L phải giao quyền sử dụng đất có diện tích 153,6 m^2 và tài sản nằm trên đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T.

(Phần diện tích giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T có ký hiệu C sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

5.5. Giao cho ông Nguyễn Văn C được nhận tổng cộng diện tích 153,6 m^2 (115,2 m^2 kỷ phần thừa kế và 38,4 m^2 kỷ phần của bà B) nằm ở phía Bắc của thửa đất 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B, có giới cận như sau:

Phía Đông giáp đường nhựa Quốc lộ 24B có chiều dài 4,27 m;

Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 xã B, huyện B có chiều dài 4,71 m;

Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 14 giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T có chiều dài 34,42 m;

Phía Bắc giáp thửa đất số 18, tờ bản đồ số 36 (bản đồ đo vẽ năm 2003) xã B, huyện B có chiều dài 34,26 m (18,26 m + 8,13 m + 7,85 m + 0,02 m).

Trên phần diện tích đất giao cho ông Nguyễn Văn C có các tài sản của ông C, bà L xây dựng nên tiếp tục giao các tài sản này cho ông C sở hữu, sử dụng gồm: 01 ngôi nhà gạch diện tích 29,3 m^2, sân bê tông và 01 cây Lộc vừng.

(Phần diện tích giao cho ông Nguyễn Văn C có ký hiệu D sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

5.6. Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 38,4 m^2 cho bà Nguyễn Thị Thanh B với số tiền là 748.454.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

5.7. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả lại giá trị 153,6 m^2 sân bê tông với số tiền 15.974.400 đồng và 01 và cây Sanh số tiền 300.000 đồng, tổng cộng 16.274.400 đồng (mười sáu triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L.

6. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số thửa số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2; thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2 cùng tờ bản đồ số 20, xã B, huyện B, như sau:

6.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người nhận được diện tích 258,6 m^2; bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 129,3 m^2, ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 387,9 m^2.

6.2. Giao thửa đất số 740 (Đất LUK), diện tích 738 m^2 tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B cùng quản lý, sử dụng.

6.3. Giao thửa đất số 553 (Đất BHK), diện tích 297 m^2, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Nguyễn Văn C quản lý, sử dụng.

6.4. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất 91,5 m^2 với số tiền 4.575.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn C.

7. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn H và cụ Trương Thị M đối với thửa đất số 637, diện tích còn lại 11,4 m^2; Thửa đất số 638, diện tích còn lại 694 m^2; Thửa đất số 639, diện tích còn lại 78,9 m^2; Thửa đất số 679, diện tích còn lại 48,8 m^2 (tất cả đều là đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

7.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T mỗi người nhận được diện tích 208,2 m^2, chia cho bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận diện tích 104,l m^2, chia cho ông Nguyễn Văn C được nhận diện tích 312,3 m^2.

7.2. Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận chung quyền sử dụng đất có diện tích 430,2 m^2 nằm ở phía Tây thửa đất số 638, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần diện tích giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh B có ký hiệu E sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

7.3. Giao cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết S và bà Nguyễn Thị Thanh B được nhận chung quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 639, diện tích 78,9 m^2 (Loại đất BHK) và thửa đất số 637, diện tích 11,4m^2 (Loại đất BHK) cùng tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

7.4. Giao cho ông Nguyễn Văn C quyền sử dụng đất có diện tích 263,8 m^2 nằm ở phía Đông thửa đất số 638, tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Phần diện tích giao cho ông Nguyễn Văn C có ký hiệu F sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Giao cho ông Nguyễn Văn C thửa đất số 679, diện tích 48,8 m^2 (Loại đất BHK) tờ bản đồ số 20 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 092546, số vào sổ cấp GCN: "CH" 00422 thuộc thửa đất số 740, tờ bản đồ số 20, diện tích 738m^2 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2013 cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị Ngọc L.

9. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự

phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004124 ngày 04/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004123 ngày 03/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

11. Các quyết định khác còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Long